

THÔNG BÁO

**Nội dung giải đáp vướng mắc tại Hội nghị đối thoại với người nộp thuế
lần II năm 2026**

Kính gửi: Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế năm 2026, ngày 18/9/2026, Thuế tỉnh đã tổ chức Hội nghị tập huấn chính sách thuế mới và đối thoại, giải đáp vướng mắc cho người nộp thuế lần II năm 2026. Đây là dịp để ngành Thuế tuyên truyền, phổ biến các chính sách thuế mới, đồng thời nắm bắt và kịp thời xử lý các vướng mắc, kiến nghị trong thực hiện chính sách thuế, về cải cách thủ tục hành chính thuế cũng như lắng nghe ý kiến phản ánh về thái độ phục vụ của công chức thuế trong quá trình thực thi công vụ; góp phần duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển hiệu quả, bền vững và đóng góp nhiều cho ngân sách địa phương.

Hội nghị đối thoại tại Văn phòng Thuế tỉnh Đắk Lắk đã thu hút được 220 lượt doanh nghiệp tham dự với 11 nội dung vướng mắc, kiến nghị đã được Thuế tỉnh trực tiếp giải đáp đầy đủ, theo đúng quy định. Thuế tỉnh Đắk Lắk thông báo kết quả giải đáp những nội dung vướng mắc, kiến nghị phản ánh (theo bản tổng hợp đính kèm Thông báo này) để gửi đến các doanh nghiệp.

Nội dung giải đáp được đăng tải công khai trên Trang Thông tin điện tử của Thuế tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị các doanh nghiệp vào địa chỉ <http://daklak.gdt.gov.vn>, tra cứu tại mục “Văn bản mới”.

Thuế tỉnh Đắk Lắk thông báo để các doanh nghiệp được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Các Phòng: CNTK, DLRR, KTr1, KTr2;
- Các Phòng: QLDN 1, 2, 3 (để gửi NNT);
- Các Thuế cơ sở;
- Website, Zalo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC.

TRƯỞNG THUẾ TỈNH

Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP CÂU HỎI VÀ NỘI DUNG GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

*(Ban hành kèm theo Thông báo kết quả giải đáp vướng mắc tại Hội nghị
đối thoại với người nộp thuế lần II năm 2026 của Thuế tỉnh Đắk Lắk)*

1. Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô (MST 4400116045)

Câu hỏi: Công ty kinh doanh khai thác cảng biển, ký hợp đồng với đối tác về lưu kho và hằng tháng bốc xếp hàng hóa từ tàu qua xe, vận chuyển về kho, từ kho qua xe; do đặc thù cần đối soát dữ liệu giữa các bên. Ví dụ: Dịch vụ tháng 8 (từ ngày 01/8/2026 đến 31/8/2026), thời gian đối soát chậm nhất là ngày 05/9/2026. Công ty lập hóa đơn ngày 05/9/2026 và ghi nhận doanh thu của tháng 8 sang tháng 9 có được không?

⇒ **Nội dung trả lời:**

1. Về thời điểm lập hóa đơn

- Tại khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định như sau:

“Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn

...2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền...

...4. Thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Đối với các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác gồm: ..., dịch vụ logistic, ... thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.”

- Tại Điều 233 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định về dịch vụ logistics như sau: *“Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao...”*

- Tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics như sau:

“Điều 3. Phân loại dịch vụ logistics

1. Dịch vụ xếp dỡ container, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay.

2. Dịch vụ kho bãi container thuộc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển.

3. Dịch vụ kho bãi thuộc dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải.

...

Điều 4. Điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics

1. Thương nhân kinh doanh các dịch vụ cụ thể thuộc dịch vụ logistics quy định tại Điều 3 Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với dịch vụ đó.”

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Trường hợp Công ty cung cấp chuỗi dịch vụ logistics theo cùng một hợp đồng, Công ty thực hiện các công việc có liên hệ với nhau như nhận hàng, bốc xếp, vận chuyển, lưu kho, giao hàng cho khách hàng, đồng thời đáp ứng đủ các điều kiện: (i) dịch vụ có số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu; (ii) hợp đồng có thỏa thuận về việc đối soát số liệu và/hoặc kỳ quy ước để tính lượng dịch vụ cung cấp; (iii) Công ty đáp ứng điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ logistics theo quy định tại Nghị định số 163/2017/NĐ-CP thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp Công ty chỉ cung cấp riêng dịch vụ bốc xếp hàng hóa tại cảng, không gắn với việc tổ chức thực hiện chuỗi dịch vụ logistics theo thỏa thuận với khách hàng thì dịch vụ bốc xếp riêng lẻ không phải là dịch vụ logistics, do đó không được áp dụng thời điểm lập hóa đơn theo đối soát. Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP.

2. Về thời điểm xác định thuế GTGT và ghi nhận doanh thu

- Tại Điều 8 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định như sau:

“Điều 8. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng

1. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

...b) Đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.”

- Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định như sau:

“Điều 8. Doanh thu

...2. Thời điểm xác định doanh thu

...b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này;”

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Trường hợp Công ty xác định thời điểm lập hóa đơn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP thì thời điểm xác định thuế GTGT

là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ.

- Trường hợp Công ty xác định thời điểm lập hóa đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP thì thời điểm xác định thuế GTGT là thời điểm hoàn thành cung cấp dịch vụ (đồng thời cũng là thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ).

- Thời điểm xác định doanh thu được xác định là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung cấp dịch vụ cho người mua. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ hoàn thành trong tháng 8/2026 (từ ngày 01/8/2026 đến ngày 31/8/2026) thì Công ty phải ghi nhận doanh thu vào tháng 8/2026, không được chuyển sang tháng 9/2026, kể cả trường hợp hóa đơn được lập trong tháng 9/2026.

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Phú Yên (MST 0315420488-001)

Câu hỏi: Về thời điểm lập hóa đơn theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP đối với dịch vụ lưu trú: (1) Khách đặt phòng và thanh toán trước qua kênh đặt phòng trực tuyến (OTA), khách sạn lập hóa đơn tại thời điểm thu tiền nhưng khách chưa ở thì doanh thu chưa phát sinh; (2) Khách thanh toán 100% tiền phòng thì có được xem là tiền đặt cọc hay tạm ứng giữ phòng không, vì khách chưa ở, chưa phát sinh doanh thu?

⇒ Nội dung trả lời:

- Tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định như sau:

“Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn

...2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc theo quy định Bộ luật Dân sự để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ)”.

- Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 quy định như sau:

“Điều 328. Đặt cọc

1. Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

- Tại Điều 37 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định như sau:

“Điều 37. Trường hợp không xác định rõ là tiền đặt cọc hoặc tiền trả trước

Trường hợp một bên trong hợp đồng giao cho bên kia một khoản tiền mà các bên không xác định rõ là tiền đặt cọc hoặc tiền trả trước thì số tiền này được coi là tiền trả trước”.

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Trường hợp khách đặt phòng thanh toán trước một phần hoặc toàn bộ tiền phòng qua OTA mà không có thỏa thuận rõ ràng đây là khoản tiền đặt cọc theo Điều 328 Bộ luật Dân sự thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền.

- Trường hợp Công ty và khách đặt phòng có thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản (hợp đồng, xác nhận đặt phòng) rằng khoản tiền là tiền đặt cọc nhằm bảo đảm giao kết, thực hiện hợp đồng và có cơ chế xử lý tiền đặt cọc theo Điều 328 Bộ luật Dân sự thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

- Trường hợp cả Công ty và khách đặt phòng không xác định rõ khoản tiền thu này là tiền đặt cọc hay tiền trả trước thì khoản tiền này được coi là tiền trả trước và thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền.

3. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dược Phú Yên (MST 4400786970)

Câu hỏi: Công ty có hoạt động khám, chữa bệnh, có khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT). Dịch vụ khám chữa bệnh BHYT được ghi nhận doanh thu hằng ngày theo thực tế phát sinh, nhưng hóa đơn chỉ được lập sau khi cơ quan BHXH chốt quyết toán quý (khoảng 02 tháng sau khi kết thúc quý). Do đó doanh thu trên báo cáo tài chính và doanh thu trên tờ khai thuế GTGT không khớp. Công ty có vi phạm về ghi nhận doanh thu và thời điểm lập hóa đơn không?

⇒ **Nội dung trả lời:**

1. Về thời điểm lập hóa đơn

Tại điểm m khoản 4 Điều 9 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

“m) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có sử dụng phần mềm quản lý khám bệnh, chữa bệnh và quản lý viện phí, từng giao dịch khám bệnh, chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ chụp, chiếu, xét nghiệm có in phiếu thu tiền (thu viện phí hoặc tiền khám, chụp, chiếu, xét nghiệm) và có lưu trên hệ thống công nghệ thông tin, nếu khách hàng (người đến khám, chữa bệnh) không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ thông tin khám, chữa bệnh và thông tin từ phiếu thu tiền để tổng hợp lập hóa đơn điện tử cho các dịch vụ y tế thực hiện trong ngày, trường hợp khách hàng yêu cầu lập hóa đơn điện tử thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập hóa đơn cho cơ quan bảo hiểm xã hội tại thời điểm được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế;”

Căn cứ quy định nêu trên, Công ty cần tách riêng thời điểm lập hóa đơn theo từng đối tượng thanh toán, cụ thể:

- Đối với phần chi phí do cơ quan BHXH thanh toán: Thực hiện lập hóa đơn cho cơ quan BHXH tại thời điểm được cơ quan BHXH thanh, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người có thẻ BHYT.

- Đối với phần khách hàng chi trả và khách hàng khám, chữa bệnh không sử dụng BHYT: Cuối ngày, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tổng hợp lập hóa đơn cho các dịch vụ thực hiện trong ngày (nếu khách hàng không lấy hóa đơn) hoặc lập hóa đơn giao cho khách hàng khi có yêu cầu.

2. Về việc ghi nhận doanh thu

Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định như sau:

“Điều 8. Doanh thu

...2. Thời điểm xác định doanh thu

...b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này;”

Căn cứ quy định nêu trên, thời điểm xác định doanh thu được xác định là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung cấp dịch vụ cho người mua. Do thời điểm ghi nhận doanh thu (khi hoàn thành việc cung ứng dịch vụ) và thời điểm lập hóa đơn cho cơ quan BHXH (khi được thanh, quyết toán) khác nhau nên doanh thu trên báo cáo tài chính và doanh thu trên tờ khai thuế GTGT trong cùng kỳ có sự chênh lệch. Công ty cần lập bảng theo dõi doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa lập hóa đơn theo từng kỳ quyết toán với cơ quan BHXH để đối chiếu, giải trình khi có yêu cầu.

4. Công ty TNHH Trang trại Bò sữa Công nghệ cao Phú Yên (MST 4401035649)

Câu hỏi: Hộ kinh doanh đã đăng ký kinh doanh (đang kinh doanh cho thuê máy móc vận tải), có thêm đất sản xuất và tự sản xuất nông sản bán cho Công ty. Khi Công ty mua nông sản do hộ trực tiếp sản xuất thì hộ có phải lập hóa đơn không, hay Công ty vẫn được lập bảng kê thu mua (mẫu 01/TNDN)?

⇒ **Nội dung trả lời:**

- Tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 141/2026/NĐ-CP) quy định như sau:

“5. Sử dụng hóa đơn điện tử

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế...

b) Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống đáp ứng điều kiện và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế; ...”

- Tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định như sau:

“Điều 7. Trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp lập bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trừ trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử. ...”

- Tại điểm a khoản 13 Điều 3 Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/3/2026 của Bộ Tài chính quy định như sau:

“a) Đối với trường hợp mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; ... hồ sơ gồm: Chứng từ chi trả tiền cho người bán theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt); bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo Mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm;”

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Trường hợp hộ kinh doanh chưa đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống và không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử): Khi bán nông sản do hộ kinh doanh trực tiếp sản xuất thì hộ kinh doanh không phải lập hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP. Công ty thực hiện lập Bảng kê thu mua theo Mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC để làm hồ sơ tính vào chi phí được trừ. Khi lập bảng kê cần ghi đầy đủ thông tin: Tên, địa chỉ, số CCCD của người bán; liệt kê chi tiết hàng hóa, số lượng, đơn giá, giá trị thanh toán.

- Trường hợp hộ kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (thuộc diện bắt buộc do có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng hoặc doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống nhưng đã tự nguyện đăng ký): Hộ kinh doanh thuộc trường hợp loại trừ tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP nên phải lập hóa đơn điện tử khi bán nông sản cho Công ty. Công ty sử dụng hóa đơn điện tử do hộ kinh doanh lập làm hồ sơ tính vào chi phí được trừ, không sử dụng bảng kê thu mua theo Mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC.

Việc hộ kinh doanh có thuộc trường hợp phải lập hóa đơn hay không phụ thuộc vào việc hộ kinh doanh đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử hay chưa và nông sản có do hộ kinh doanh trực tiếp sản xuất hay không. Do đó, Công ty có trách nhiệm kiểm tra tình trạng sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh (có thể tra cứu thông tin trên ứng dụng hóa đơn điện tử tại địa chỉ <https://hoadondientu.gdt.gov.vn/> hoặc đề nghị hộ kinh doanh cung cấp); đồng thời thực hiện lưu giữ hồ sơ chứng minh nguồn gốc nông sản, tự xác định trường hợp

áp dụng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của bảng kê, hóa đơn, chứng từ.

5. Công ty Cổ phần Xây dựng Đắc Lắc (MST 6000383811)

Câu hỏi 1: Doanh nghiệp có nhiều hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trả chậm từ 05 triệu đồng trở lên, thường xuyên phát sinh trường hợp đến hạn thanh toán nhưng chưa thanh toán và sau đó mới thanh toán. Việc phải theo dõi từng hóa đơn để kê khai điều chỉnh giảm, điều chỉnh tăng thuế GTGT đầu vào tại chỉ tiêu [37], [38] làm tăng khối lượng công việc kế toán và gây khó khăn, mất thời gian khi giải trình với cơ quan thuế. Doanh nghiệp đề nghị cơ quan thuế xem xét điều chỉnh cho phù hợp để Doanh nghiệp bớt những khó khăn nêu trên.

⇒ Nội dung trả lời:

Tại điểm g khoản 2 Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định 144/2026/NĐ-CP ngày 05/5/2026) của Chính phủ quy định như sau:

“g) Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng. Trường hợp sau khi điều chỉnh, cơ sở kinh doanh có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”

Quy định này hướng dẫn rất rõ đối với trường hợp Công ty đã nêu. Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện theo đúng quy định. Liên quan đến nội dung này, Thuế tỉnh ghi nhận ý kiến của Công ty để tổng hợp, báo cáo Cục Thuế xem xét trong quá trình tổ chức tiếp nhận, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất của người nộp thuế.

Câu hỏi 2: Doanh nghiệp có ý kiến việc KBNN trích nộp 1% thuế GTGT vãng lai đối với công trình sử dụng vốn NSNN trong tỉnh hiện được hạch toán về xã, phường nơi có công trình, dẫn đến số thuế trên tờ khai 01/GTGT tại cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp không được bù trừ kịp thời, trong khi tại thuế cơ sở phát sinh số thuế nộp thừa. Doanh nghiệp đã thực hiện tra soát, đề nghị chuyển chứng từ về cơ quan thuế quản lý, nhưng một số trường hợp xử lý chậm hoặc chưa có kết quả, gây khó khăn trong việc theo dõi, đối chiếu và giảm số thuế phải nộp. Doanh nghiệp đề nghị cơ quan thuế xem xét cơ chế tự động điều chuyển/bù trừ các khoản

thuế GTGT 1% đã được KBNN trích nộp về đúng cơ quan thuế quản lý, hạn chế việc doanh nghiệp phải thực hiện tra soát và liên hệ nhiều đơn vị.

⇒ **Nội dung trả lời:**

Đối với chứng từ Kho bạc Nhà nước khấu trừ 1% thuế GTGT đối với các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong tỉnh và ngoài tỉnh, về nguyên tắc số thuế GTGT đã khấu trừ được bù trừ về cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Trường hợp khi tiếp nhận chứng từ, cơ quan thuế nơi có công trình hạch toán chứng từ khấu trừ 1% thuế GTGT là chứng từ nộp tiền (ký hiệu C2) thì hệ thống xác định số tiền thuế đã nộp tại cơ quan thuế nơi có công trình, dẫn đến phát sinh số thuế nộp thừa tại cơ quan thuế nơi có công trình và chưa được bù trừ với số thuế phải nộp tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Để khoản thuế GTGT đã khấu trừ được tự động chuyển về cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế để bù trừ, khi tiếp nhận chứng từ, cơ quan thuế nơi có công trình thực hiện hạch toán theo loại chứng từ cơ quan thuế phân bổ (ký hiệu P3). Chứng từ này sau khi được hạch toán sẽ được hệ thống tự động chuyển về cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế để thực hiện bù trừ theo quy định.

Liên quan đến nội dung này, Thuế tỉnh ghi nhận ý kiến đề xuất của Công ty và sẽ hướng dẫn các Thuế cơ sở thực hiện thống nhất việc hạch toán chứng từ khấu trừ 1% thuế GTGT theo quy định.

6. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (MST 6001271719)

Câu hỏi: Đề nghị cơ quan thuế hướng dẫn cụ thể về tỷ giá ghi nhận doanh thu kế toán khi có hoạt động xuất khẩu thu ngoại tệ và tỷ giá phục vụ khai thuế GTGT và thuế TNDN theo quy định mới nhất hiện nay?

⇒ **Nội dung trả lời:**

- Tại điểm c.1 khoản 8 Điều 10 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định như sau:

“c.1) Trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối thì đơn giá, thành tiền, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng ngoại tệ, đơn vị tiền tệ ghi tên ngoại tệ. Người bán đồng thời thể hiện trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam theo tỷ giá theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;”

- Tại khoản 1 và khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 quy định như sau:

“1. Hóa đơn điện tử là hóa đơn ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập để ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về kế toán.

...5. Nguyên tắc, quyền và trách nhiệm lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử:

a) Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để giao cho người mua theo định dạng chuẩn dữ liệu và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về kế toán, bảo đảm phản ánh đầy đủ, trung thực nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hóa đơn đã lập, trừ trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của Chính phủ;”

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Đối với các trường hợp được khai thuế, khoản thu khác bằng ngoại tệ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP thì đồng tiền khai, nộp thuế, các khoản thu khác và tỷ giá khai thuế quy đổi thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối thì người bán thể hiện trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với Đồng Việt Nam theo quy định tại điểm c.1 khoản 8 Phụ lục kèm theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 26 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và pháp luật về kế toán, tỷ giá thể hiện trên hóa đơn là tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán.

7. Công ty TNHH Vinh Quang Đắc Lắc (MST 6001790986)

Câu hỏi: Công ty kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, bán nông sản chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu kinh doanh thương mại thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Thuế GTGT thì không quy định trường hợp hoàn thuế GTGT cho hàng bán nội địa đối với doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản không phát sinh thuế đầu ra nhưng được khấu trừ thuế đầu vào như: Cước vận chuyển, bao bì điện, nước, điện thoại,... với số tiền thuế GTGT đầu vào phát sinh hàng năm rất lớn (hơn 5 tỷ đồng/năm) dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp, tiền thuế đầu vào thì phải trả cho bên bán, nhưng không được giải quyết hoàn thuế. Vì vậy, để tháo gỡ khó khăn cho DN kinh doanh nông sản, đề nghị Thuế tỉnh Đắc Lắc đề xuất Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung trường hợp hoàn thuế GTGT đối với DN kinh doanh nông sản qua khâu thương mại được hoàn thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên?

⇒ Nội dung trả lời:

Liên quan đến ý kiến đề xuất của Công ty, ngày 26/8/2026, Thuế tỉnh đã có Công văn số 2949/DLA-QLDN1 gửi Cục Thuế về việc báo cáo vướng mắc về chính sách thuế GTGT, TNDN. Trong đó có đề xuất, kiến nghị bổ sung trường hợp hoàn thuế cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại trong lĩnh vực nông sản, thủy sản chỉ qua sơ chế thông thường có số thuế GTGT còn được khấu trừ từ 300 triệu đồng

trở lên. Trường hợp nội dung đề xuất được đồng ý và có văn bản quy định cụ thể, Thuế tỉnh sẽ triển khai hướng dẫn người nộp thuế thực hiện.

8. Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên (MST 6000514616)

Câu hỏi 1: Theo quy định tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP, từ ngày 01/07/2026, cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được giảm trừ chi phí giáo dục – đào tạo của bản thân và người phụ thuộc, với mức giảm trừ tối đa 24 triệu đồng/năm. Công ty chúng tôi xin được hỏi một số nội dung như sau:

1. Về việc thực hiện giảm trừ: Trường hợp người lao động có đủ điều kiện giảm trừ chi phí giáo dục - đào tạo, người lao động có thể cung cấp hồ sơ cho Công ty để Công ty thực hiện giảm trừ khi tính thuế TNCN hàng tháng và khi quyết toán thuế TNCN thay cho người lao động hay cá nhân bắt buộc phải tự thực hiện quyết toán thuế TNCN?

2. Về hồ sơ chứng minh chi phí giáo dục cần kèm theo gì để được giảm trừ chi phí giáo dục - đào tạo?

⇒ Nội dung trả lời:

Tại điểm c khoản 2 Điều 46, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 49, khoản 3 Điều 51 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định như sau:

“Điều 46. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

...2. Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 8 của Nghị định này mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế trừ (-) đi các khoản dưới đây:

...c) Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác quy định tại Điều 11 của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 49 của Nghị định này.

...

Điều 49. Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác

...2. Người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế, bao gồm:

...b) Các khoản chi cho giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước tổng không quá 24 triệu đồng/năm, cụ thể: Khoản tiền học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo và các kỹ năng chuyên môn khác tại cơ sở giáo dục - đào tạo.

3. Các khoản chi phí mà người nộp thuế được giảm trừ quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;...

b) Hóa đơn, chứng từ để được giảm trừ phải thể hiện thông tin của người nộp thuế hoặc người phụ thuộc của người nộp thuế;

c) Không được chi trả từ các nguồn khác, kể cả từ nguồn tài trợ, hỗ trợ, trả thay của tổ chức, cá nhân, nguồn ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm chi trả dưới các hình thức.”

...

Điều 51. Quyết toán thuế

...3. Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân có đề nghị giảm thuế do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo quy định tại Điều 40 của Nghị định này hoặc có phát sinh các khoản giảm trừ quy định tại Điều 49 của Nghị định này mà người nộp thuế có yêu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế thì người nộp thuế phải tự quyết toán thuế.”

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Khi Công ty thực hiện xác định thu nhập tính thuế hàng tháng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công thì Công ty thực hiện giảm trừ các khoản chi cho giáo dục - đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế nếu khoản chi này đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP. Khi kết thúc năm, người nộp thuế có phát sinh các khoản giảm trừ đối với khoản chi cho giáo dục - đào tạo mà người nộp thuế có yêu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế thì người nộp thuế phải tự quyết toán thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thành phần hồ sơ chứng minh khoản chi cho giáo dục - đào tạo được giảm trừ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP.

Câu hỏi 2: Công ty có chính sách chi trả khoản chi phí phục vụ công việc cho một số nhân sự để thực hiện kiểm tra, nghiên cứu thị trường, tiếp cận với khách hàng tiềm năng, chăm sóc các khách hàng cũ, đối tác bán hàng. Khoản khoản này sẽ được quy định cụ thể tùy theo vị trí cấp bậc và cách tính mức chi thực tế theo tỷ lệ ngày công hưởng lương so với ngày công chuẩn của tháng hoặc theo tỉ lệ hiệu suất công việc đạt được của tháng. Khoản khoản này không phải là một phần tiền lương tiền công mà Công ty thỏa thuận chi trả cho người lao động và tùy căn cứ vào tình hình kinh doanh của công ty và phạm vi công việc mà Công ty sắp xếp cho người lao động. Để thực hiện việc chi trả, Công ty dự kiến lưu giữ hồ sơ, chứng từ gồm: Quyết định về việc chi trả khoản chi phí phục vụ công việc kèm danh sách vị trí cấp bậc, mức tiền; bảng tính chi tiết mức chi trả; chứng từ chi tiền vào tài khoản của người lao động.

Với tính chất và phương thức chi trả nêu trên, khoản khoản chi phí này có được xác định là khoản chi liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN hay không? Trường hợp được tính vào chi phí được trừ, hồ sơ, chứng từ như trên đã đầy đủ và đáp ứng điều kiện theo quy định về thuế TNDN chưa hay Công ty cần bổ sung thêm hồ sơ, chứng từ nào?

⇒ **Nội dung trả lời:**

Tại khoản 1 Điều 9 và điểm b khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định:

“Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, ...

...

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

...

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. ...”

“Điều 10. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

...

8. Chi cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

...

b) Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con); Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn.”

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Trường hợp Công ty có chi trả các khoản khoán chi phí phục vụ công việc cho một số nhân sự thì khoản chi này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng đủ các điều kiện chung theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và đáp ứng điều kiện đối với khoản chi cho người lao động theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

- Khoản khoán chi phí phục vụ công việc được tính vào chi phí được trừ nếu điều kiện hưởng và mức hưởng được quy định tại một trong các hồ sơ: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty. Trường hợp Công ty chỉ ban hành Quyết định chi trả riêng lẻ mà nội dung này chưa được quy định tại một trong các hồ sơ nêu trên thì không đáp ứng điều kiện được tính vào chi phí được trừ.

9. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Yên (MST 4400116101)

Câu hỏi: Sau khi rà soát hồ sơ và căn cứ Thông báo số 415 ngày 08/9/2026 của Sở NN và MT tỉnh Đắk Lắk về thông báo Quyết toán số tiền cấp quyền khai

thác khoáng sản duyệt đến 30/6/2025 nộp là 888.342.402 đồng mà Công ty thực tế nộp vào ngân sách nhà nước 2.458.581.056 đồng nên nộp dư tiền cấp quyền khai thác số tiền 1.570.238.654 đồng. Để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của Công ty đúng quy định và có cơ sở hạch toán theo dõi khoản tiền nộp thừa nêu trên, Công ty kính đề nghị Quý cơ quan hướng dẫn cụ thể:

- Công ty có được hoàn trả số tiền nộp thừa hay không?
- Trường hợp hoàn trả, Công ty cần lập những hồ sơ, biểu mẫu giấy tờ gì?
- Trình tự, thời hạn giải quyết việc hoàn trả tiền nộp thừa.
- Trường hợp không thực hiện hoàn trả mà được bù trừ với các nghĩa vụ tài chính khác, đề nghị hướng dẫn điều kiện, trình tự và thủ tục thực hiện.
- Số tiền chậm nộp thuế cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh của đợt 2 năm 2025 theo Thông báo số 1035/TB-TCS10-KDT ngày 13/4/2026 của Thuế cơ sở 10 tỉnh Đắk Lắk Công ty đã nộp vào ngân sách nhà nước thì có được thông báo hoàn trả lại không?

⇒ **Nội dung trả lời:**

Ngày 08/9/2026, Thuế tỉnh Đắk Lắk nhận được Thông báo số 415/TB-SNNMT của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk về Quyết toán số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản đi kèm (đất san lấp) tại khu vực mỏ đá thôn Phước Hậu, xã Ô Loan và thôn Quảng Đức, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk. Kỳ quyết toán: từ năm 2022 đến hết ngày 30/6/2025 đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Yên, mã số thuế 4400116101, địa chỉ: số 06 Lê Lợi, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/9/2026, Thuế tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Thông báo nộp tiền điều chỉnh, bổ sung số 2578/TB-DLA về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Yên. Kỳ quyết toán: Từ năm 2022 đến hết ngày 30/6/2025.

1. Về việc hoàn trả số tiền nộp thừa

- Tại điểm a và điểm c khoản 8 Điều 139 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 (được sửa đổi bổ sung tại điểm d khoản 52 Điều 1 Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026) của Chính phủ quy định như sau:

“8. Việc giải quyết số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp thừa hoặc phải nộp bổ sung sau quyết toán được thực hiện như sau:

a) Trường hợp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã nộp vào ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp sau khi quyết toán thì số tiền đã nộp thừa sẽ được cơ quan Thuế xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

...

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, nếu số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã nộp vào ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp sau khi quyết toán thì số tiền đã nộp thừa sẽ được bù trừ vào các khoản nợ ngân sách nhà nước, phần còn lại sẽ được bù trừ

vào nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các kỳ nộp tiền tiếp theo.

Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn thừa sau khi đã bù trừ các nghĩa vụ tài chính (nếu có) sẽ được cơ quan Thuế xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp Công ty có số tiền nộp thừa sau quyết toán sẽ được bù trừ vào các khoản nợ ngân sách nhà nước, phần còn lại sẽ được bù trừ vào nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các kỳ nộp tiền tiếp theo. Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2036 theo Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 18/5/2022, do đó cơ quan thuế sẽ thực hiện bù trừ số tiền nộp thừa vào nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các kỳ phát sinh tiếp theo.

2. Về tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 01/07/2026 của Chính phủ quy định:

“1. Thời gian tính tiền chậm nộp:

a) Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, khoản thu khác hoặc của thời hạn gia hạn nộp thuế, khoản thu khác hoặc thời hạn ghi trong thông báo, quyết định ấn định thuế, quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế, quyết định hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đến ngày liền kề trước ngày số tiền nợ thuế, nợ khoản thu khác, tiền thuế tăng thêm, khoản thu khác tăng thêm, tiền thuế ấn định, khoản thu khác ấn định, tiền thuế chậm chuyển, khoản thu khác chậm chuyển được nộp vào ngân sách nhà nước;”

Ngày 05/3/2025, Cục Thuế tỉnh Phú Yên (nay là Thuế tỉnh Đắk Lắk) đã ban hành Thông báo số 605/TB-CTPHY về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2025. Theo đó, thời hạn nộp tiền được chia làm 02 kỳ: Kỳ thứ nhất nộp 50% chậm nhất vào ngày 31/5/2025; kỳ thứ hai nộp đủ phần còn lại chậm nhất vào ngày 31/10/2025.

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Yên thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của kỳ thứ hai năm 2025 (số tiền 445.224.777 đồng) vào ngày 22/01/2026 và nộp tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (số tiền 8.147.613 đồng) vào ngày 21/4/2026. Do Công ty nộp tiền vào NSNN sau thời hạn quy định tại Thông báo số 605/TB-CTPHY nên việc cơ quan thuế tính tiền chậm nộp đối với khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là đúng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Công ty không được hoàn trả số tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh của đợt 2 năm 2025./.
